

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Kèm theo

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP CỦA KIỂM TOÁN VIÊN



MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Tổng giám đốc	1 - 4
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
3. Báo cáo tài chính hợp nhất hợp nhất đã được kiểm toán	
- Bảng cân đối kế toán hợp nhất	7 - 10
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	11
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	12-13
- Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	14 - 39

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần May Phú Thành (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần May Phú Thành là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0500578254 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15 tháng 01 năm 2008 và được đăng ký thay đổi lần thứ sáu vào ngày 24 tháng 12 năm 2014.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 06 ngày 24/12/2014 là 96.000.000.000 VND (*Bằng chữ: Chín mươi sáu tỷ đồng*) tương đương với 9.600.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 VND/cổ phần. Vốn điều lệ thực góp đến ngày 31/12/2016 của Công ty là 155.520.000.000 VND.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất, gia công hàng may mặc.

2. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát

Thành viên của Hội đồng Quản trị của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Nguyễn Viết Tùng	Chủ tịch HĐQT
- Bà Tạ Thị Nga	Thành viên
- Ông Chu Ngọc Cường	Thành viên
- Ông Nguyễn Viết Đạt	Thành viên
- Ông Trịnh Đắc Hạnh	Thành viên

Thành viên của Ban Tổng giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Nguyễn Viết Tùng	Tổng Giám đốc
- Ông Chu Ngọc Cường	Phó Tổng giám đốc

Thành viên của Ban Kiểm soát Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Nguyễn Việt Cường	Trưởng ban
- Bà Nguyễn Thị Vân Anh	Thành viên
- Bà Nguyễn Thị Thúy Nga	Thành viên

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở chính tại số cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội.

500
CÔP
CÔP
N
HÚ
ĐỨC

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Công ty có công ty con như sau:

Địa chỉ

Tên

Công ty TNHH Dệt kim Phú Vĩnh Hưng

Xóm Đoàn Kết, xã La Phù, huyện Hoài Đức,
Hà Nội

4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

5. Các sự kiện quan trọng phát sinh trong niên độ

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Tổng giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

6. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Ban Tổng giám đốc Công ty cho rằng, không còn có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

7. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PKF Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.

8. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

78
G
HÀ
Y
HÀ
TP

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Ban Tổng giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

Ngoài ra, Ban Tổng giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

9. Ý kiến của Ban Tổng giám đốc

Theo ý kiến của Ban Tổng giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hà Nội, ngày 04 tháng 04 năm 2017

THAY MẶT BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Viết Tùng

Số: 62/2017/BCKT-PKF.VPHN

Hà Nội, ngày 04 tháng 04 năm 2017

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty Cổ phần May Phú Thành

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc
Công ty Cổ phần May Phú Thành**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty Cổ phần May Phú Thành được lập ngày 04 tháng 04 năm 2017, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 07 đến trang 39 kèm theo.

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần May Phú Thành chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần May Phú Thành, và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam




Trần Thị Nguyệt
Phó Tổng giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0589-2015-242-1



Nguyễn Thị Hué
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2493-2015-242-1

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số B01-DN/HN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		202.660.104.622	144.283.785.222
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	7.274.226.571	7.327.702.168
1. Tiền	111		7.274.226.571	7.321.134.815
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	6.567.353
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		80.745.613.874	43.380.068.525
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	38.121.585.976	29.776.495.364
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	33.912.896.566	2.708.766.802
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	6.370.000.000	8.500.000.000
6. Các khoản phải thu khác	136	5.5	3.208.604.624	2.394.806.359
7. Dự phòng phải thu khó đòi (*)	137		(867.473.292)	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	5.7	109.697.849.712	89.287.985.764
1. Hàng tồn kho	141		109.742.605.712	89.332.741.764
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(44.756.000)	(44.756.000)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.942.414.465	4.288.028.765
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.10	454.501.051	154.151.557
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.477.928.140	4.123.891.934
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		9.985.274	9.985.274
4. Giao dịch mua bán trái phiếu chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		118.321.250.713	84.771.470.624
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số B01-DN/HN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
II. Tài sản cố định	220		65.879.254.602	55.830.430.948
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	65.506.172.058	55.448.248.828
- Nguyên giá	222		99.174.893.681	80.583.387.670
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(33.668.721.623)	(25.135.138.842)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	373.082.544	382.182.120
- Nguyên giá	228		475.200.000	475.200.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(102.117.456)	(93.017.880)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	5.8	4.847.153.000	5.123.630.200
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.11	4.847.153.000	5.123.630.200
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	33.420.000.000	18.420.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		33.420.000.000	18.420.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (dài hạn)	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		14.174.843.111	5.397.409.476
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	10.049.843.111	772.409.476
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		4.125.000.000	4.625.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		320.981.355.335	229.055.255.846

50
CÔ
CÔ
Λ
HỦ
ĐƠN

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số B01-DN/HN

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		146.102.600.531	107.544.231.450
I. Nợ ngắn hạn	310		122.653.995.351	89.755.214.037
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	14.478.514.714	18.491.299.821
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		3.693.641.512	2.789.827.098
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	3.520.383.522	4.487.499.926
4. Phải trả người lao động	314		-	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	200.000.000	130.000.000
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	166.569.859	35.601.877
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.12	100.013.607.815	63.820.985.315
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		581.277.929	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		23.448.605.180	17.789.017.413
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.12	23.448.605.180	17.789.017.413
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Mẫu số B01-DN/HN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2016	01/01/2016
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		174.878.754.804	121.511.024.396
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.17	174.878.754.804	121.511.024.396
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		155.520.000.000	96.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		155.520.000.000	96.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.162.555.858	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận chưa phân phối	421		7.744.872.515	15.299.740.265
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		3.779.740.264	2.800.557.736
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		3.965.132.251	12.499.182.529
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		10.451.326.431	10.211.284.131
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		320.981.355.335	229.055.255.846

Hà Nội, ngày 04 tháng 04 năm 2017

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Nông Kim Nhân

Nông Kim Nhân

Nguyễn Viết Tùng

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số B02-DN/HN

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	119.943.203.092	90.728.940.669
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	87.274	199.400
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		119.943.115.818	90.728.741.269
4. Giá vốn hàng bán	11	6.3	97.058.195.044	71.795.995.628
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		22.884.920.774	18.932.745.641
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	1.821.514.178	12.864.479.236
7. Chi phí tài chính	22	6.5	9.329.418.235	7.473.488.084
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		8.792.407.173	7.473.488.084
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24			
9. Chi phí bán hàng	25	6.8	1.728.661.515	1.296.422.352
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.8	5.248.623.315	5.988.371.060
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		8.399.731.887	17.038.943.381
12. Thu nhập khác	31	6.6	680.297.012	5.092.000
13. Chi phí khác	32	6.7	1.128.161.701	382.136.279
14. Lợi nhuận khác	40		(447.864.689)	(377.044.279)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		7.951.867.198	16.661.899.102
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	1.892.157.289	4.009.626.000
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		6.059.709.909	12.652.273.102
19. Lợi nhuận sau thuế TNDN của công ty mẹ	61		5.819.667.609	12.488.120.658
20. Lợi nhuận sau thuế TNDN của cổ đông không kiểm soát	62		240.042.300	164.152.444
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		613	1.318
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71		-	-

Người lập

Nông Kim Nhân

Kế toán trưởng

Nông Kim Nhân

Hà Nội, ngày 04 tháng 04 năm 2017

Tổng Giám đốc



Nguyễn Viết Tùng

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Mẫu số B03-DN/HN

Theo phương pháp gián tiếp

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Năm 2015

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2016	Năm 2015
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	7.951.867.198	16.661.899.102
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	8.694.782.357	7.413.849.205
- Các khoản dự phòng	03	867.473.292	-
- Lãi lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	4	(21.200)	1.211.603.739
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.525.364.719)	(12.788.621.786)
- Chi phí lãi vay	06	8.792.407.173	5.286.703.755
- Các khoản điều chỉnh khác	07		
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	24.781.144.101	17.785.434.015
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(37.116.461.276)	(2.088.730.603)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(20.409.863.948)	(23.892.988.780)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(5.814.785.575)	10.107.553.249
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(9.577.783.129)	(180.159.633)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(8.690.982.173)	(5.286.703.755)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.858.009.335)	(555.000.000)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(59.686.741.335)	(4.110.595.507)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(18.743.606.011)	(18.999.333.841)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	2.000.000	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(59.240.000.000)	(42.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	61.370.000.000	41.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(15.000.000.000)	(30.000.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	15.000.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.525.364.719	12.788.621.786
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(30.086.241.292)	(22.210.712.055)

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)

Mẫu số B03-DN/HN

Theo phương pháp gián tiếp

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Năm 2015

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2016	Năm 2015
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	48.000.000.000	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	203.485.611.502	154.772.258.361
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(161.766.125.672)	(130.552.574.054)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	89.719.485.830	24.219.684.307
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(53.496.797)	(2.101.623.255)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	7.327.702.168	9.441.648.196
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	21.200	(12.322.773)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	7.274.226.571	7.327.702.168

Hà Nội, ngày 04 tháng 04 năm 2017

Người lập

Nông Kim Nhân

Kế toán trưởng

Nông Kim Nhân

Tổng Giám đốc



Nguyễn Viết Tùng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B09-DN/HN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần May Phú Thành là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0500578254 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15 tháng 01 năm 2008 và được đăng ký thay đổi lần thứ 06 vào ngày 24 tháng 12 năm 2014.

Trụ sở chính của Công ty tại cụm công nghiệp Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 06 ngày 24/12/2014 là 96.000.000.000 VND (*Bằng chữ: Chín mươi sáu tỷ đồng*) tương đương 9.600.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 VND/cổ phần. Vốn điều lệ thực góp đến ngày 31/12/2016 của Công ty là 155.520.000.000 VND.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính:

Hoạt động chính của Công ty là:

- May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú); Sản xuất sợi; Sản xuất vải dệt thoi; Hoàn thiện sản phẩm dệt; Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu; Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu; Dịch vụ liên quan đến in; In ấn;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình; Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế; Sản xuất đồ gỗ xây dựng; Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép; Bán buôn tổng hợp;
- Chuẩn bị mặt bằng; chi tiết: San lấp mặt bằng;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn thực phẩm; chi tiết: Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột; Sản xuất các loại bánh từ bột; Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng chuyên doanh
- Sản xuất ca cao, sôcôla và mút kẹo;
- Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh; Sản xuất các sản phẩm nhựa.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp:

Công ty con: Công ty TNHH Dệt kim Phú Vĩnh Hưng

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0500446466 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02 tháng 01 năm 2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 5 vào ngày 16 tháng 12 năm 2014.

Trụ sở tại xóm Đoàn Kết, xã La Phù, huyện Hoài Đức, Hà Nội.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0500446466 cấp ngày 16/12/2014 là 80.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Tám mươi tỷ đồng chẵn./.*)

05
ĐNC
CỔ P
M/
HÚ T
ĐỨC

BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mẫu số B09- DN/HN**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Theo Đăng ký kinh doanh tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty mẹ tại ngày 31/12/2016:

	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)
Công ty TNHH Dệt kim Phú Vĩnh Hưng	87,5%	87,5%

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2016, tổng số cán bộ nhân viên Công ty là 35 người, trong đó số nhân viên quản lý là 06 người.

2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Công ty áp dụng các chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần May Phú Thành bao gồm báo cáo tài chính riêng của Công ty và công ty con là Công ty TNHH Dệt kim Phú Vĩnh Hưng.

Công ty soạn lập báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con.

3 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG**4.1. Ước tính kế toán**

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

25
TY
AN
Y
ANH
TP.

BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B09- DN/HN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

4.3. Các giao dịch ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác ngoài đồng Việt Nam (VND) được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá đã thực hiện phát sinh trong năm tài chính được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong năm.

Số dư các tài sản bằng tiền, tương đương tiền và công nợ có gốc ngoại tệ vào ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá mua vào của ngân hàng có tài khoản giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính.

Khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ tài chính được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ tài chính.

4.4. Nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết thanh toán trong thời gian tới).

4.5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để tiêu thụ được hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo như sau:

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

C.T.P. TH. N

BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mẫu số B09- DN/HN**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 "Hàng tồn kho" và Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

4.6. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định:

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

4.6.1 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của công ty như sau:

Nhà cửa vật kiến trúc	5 - 10 năm
Máy móc thiết bị	6 - 10 năm

4.6.2 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định vô hình của công ty như sau:

Quyền sử dụng đất	50 năm
-------------------	--------

4.7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí đầu tư hình thành tài sản cố định (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản) và chi phí sửa chữa tài sản cố định còn chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ tài chính. Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi tài sản được đưa vào sử dụng.

BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mẫu số B09- DN/HN**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

4.8. Các khoản đầu tư tài chính

Nguyên tắc xác định giá trị của các khoản đầu tư vào công ty con được xác định theo giá gốc. Công ty mẹ chỉ hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty mẹ nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn:

- Công ty con là công ty mà Công ty có quyền chi phối các chính sách và hoạt động nhằm thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động kinh doanh.
- Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách và hoạt động của bên đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.
- Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư cổ phiếu, góp vốn vào các đơn vị khác với tỷ lệ nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của công ty nhận đầu tư, các khoản cho vay và đầu tư dài hạn khác. Các khoản đầu tư này được phản ánh theo giá gốc.

4.9. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ, giá trị của các tài sản không có đủ tiêu chuẩn là TSCĐ (có giá trị nhỏ hơn 30 triệu đồng), chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và các chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

Phân bổ lợi thế thương mại: Lợi thế thương mại được phát sinh trong quá trình hợp nhất kinh doanh thể hiện khoản thanh toán của bên mua cho những lợi ích kinh tế thu được trong tương lai từ những tài sản không đủ tiêu chuẩn ghi nhận và không xác định được một cách riêng biệt. Lợi thế thương mại được phân bổ trong vòng 10 năm

4.10. Nợ phải trả

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ phải trả từ khách hàng của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

4.11. Chi phí phải trả:

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc năm tài chính, bao gồm: chi phí kiểm toán. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B09- DN/HN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

4.12. Vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu:

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

4.13. Doanh thu:

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng.
- (ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- (iii) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chênh lệch tỷ giá, và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi, lãi tiền vay được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.
- (iv) Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

4.14. Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

- Hàng hóa của công ty chịu mức thuế GTGT: 10%

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Công ty phải nộp thuế TNDN với mức thuế suất là 20%

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

4.15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B09- DN/HN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

4.16. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận;
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

4.17. Bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số 8.6.

4.18. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau: sản xuất kinh doanh quần áo, bút tất, vải, sợi các loại.

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực Hà Nội, Hồ Chí Minh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Mẫu số B09-DN/HN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1 . Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2016	01/01/2016
Tiền mặt	2.712.822.940	2.796.231.360
Tiền gửi ngân hàng	4.561.403.631	4.524.903.455
- Tiền gửi ngân hàng VND	4.540.548.346	4.493.741.706
NH TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Quang Minh	1.211.662.228	501.529.677
NH TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - CN Đông Đô	-	7.612.545
NH TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - CN Hà Tây	3.177.491.131	3.252.653.892
NH TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Trảng An	-	518.963.602
NH TMCP Công thương Việt Nam - CN Nguyễn Trãi	-	2.335.677
NH NN&PTNT - CN Hà Tây	-	2.913.116
NH TNHH MTV Shinhan Việt Nam	-	820.479
NH TNHH Indovina	45.026.794	80.610.762
NH TMCP Quân đội	2.874.898	1.000.000
NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội	2.567.119	2.554.003
NH TMCP Kỹ thương Việt Nam	38.654.744	122.747.953
NH TMCP Quốc dân - CN Hà Nội	3.547.568	
NH NN&PTNT - CN Hà Tây	34.908.304	
NH TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - CN Thanh Xuân	1.001.821	
Tiền gửi giao dịch chứng khoán	6.567.353	
NH TMCP Ngoại thương Việt Nam	15.743.598	
NH VP bank	502.788	
- Tiền gửi ngân hàng USD	20.855.285	31.161.749
NH TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Đô	6.675.778	6.675.778
NH TMCP Công thương Việt Nam - CN Hà Tây	3.033.802	13.474.265
NH TMCP Quốc dân - CN Hà Nội	-	1.036.775
NH TNHH Indovina	1.627.345	449.400
NH NN&PTNT - CN Hà Tây	-	28.371
NH TMCP Công thương Việt Nam - CN Nguyễn Trãi	8.609.448	8.588.248
NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội	908.912	908.912
Tiền đang chuyển	-	6.567.353
Các khoản tương đương tiền	-	-
Cộng	7.274.226.571	7.327.702.168

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số B09-DN/HN

5.2 Các khoản đầu tư tài chính

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)
a) Chứng khoán kinh doanh	-	-	-	-
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-
c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	33.420.000.000	-	18.420.000.000	-
- Đầu tư vào Công ty con	-	-	-	-
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	-	-	-	-
- Đầu tư vào công ty khác	33.420.000.000	-	18.420.000.000	-
Công ty CP Đầu tư NHP - tỷ lệ sở hữu 15%	30.000.000.000	-	15.000.000.000	-
Công ty CP Dệt may Supertex- tỷ lệ sở hữu 19%	3.420.000.000	-	3.420.000.000	-
Cộng	33.420.000.000		18.420.000.000	

(*) Xem Thuyết minh mục (iv) - Giá trị hợp lý, 8.1- Công cụ tài chính

Tình hình hoạt động của công ty con

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Mẫu số B09-DN/HN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.3 . Phải thu khách hàng

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
a) Phải thu khách hàng ngắn hạn	38.121.585.976	29.776.495.364
Phải thu khách hàng trong nước (chi tiết chiếm từ 10% trở lên trên tổng khoản phải thu)	12.700.351.249	9.756.873.980
<i>Công ty TNHH May mặc và Thương mại Phú Vinh Hưng</i>	5.776.842.335	-
<i>Công ty TNHH Thương mại NTG Việt Nam</i>	6.923.508.914	4.350.700.450
<i>Công ty TNHH TMXD Hoàng Yến</i>	-	5.406.173.530
Phải thu khách hàng khác	25.421.234.727	20.019.621.384
Cộng	<u>38.121.585.976</u>	<u>29.776.495.364</u>
b) Phải thu khách hàng dài hạn (Chi tiết khách hàng chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải thu khách hàng)		
c) Phải thu của khách hàng ngắn hạn là các bên liên quan		
<i>Công ty TNHH May mặc và Thương mại Phú Vinh Hưng</i>	5.776.842.335	-
<i>Ông Nguyễn Việt Phúc</i>	-	220.063.800
<i>Bà Nguyễn Thị An</i>	-	604.847.010
<i>Bà Tạ Thị Nga</i>	-	39.600.000
Cộng	<u>5.776.842.335</u>	<u>864.510.810</u>

5.4 . Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
Công ty Cổ phần phụ liệu may mặc VTC	20.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Lữ hành Quốc tế Đại Minh	10.000.000.000	-
Các công ty khác	3.912.896.566	2.708.766.802
Cộng	<u>33.912.896.566</u>	<u>2.708.766.802</u>

5.5 . Phải thu khác và phải thu về cho vay

	<u>31/12/2016</u>		<u>01/01/2016</u>	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	9.578.604.624	-	10.894.806.359	-
- Phải thu khác	548.381.111	-	2.394.806.359	-
- Tạm ứng	1.920.214.890	-	-	-
<i>Ông Nguyễn Việt Tùng</i>	181.949.610	-	-	-
<i>Bà Tạ Thị Nga</i>	147.059.808	-	-	-
Các cá nhân khác	1.591.205.472	-	-	-
- Cho vay (i)	6.370.000.000	-	8.500.000.000	-
<i>Bà Nguyễn Thị Hòa</i>	2.000.000.000	-	2.950.000.000	-
<i>Ông Tạ Duy Khánh</i>	-	-	2.000.000.000	-
<i>Ông Tạ Duy Lư</i>	-	-	1.750.000.000	-
<i>Ông Tạ Tương Nguyên</i>	-	-	1.800.000.000	-
<i>Bà Ngô Thị Xuyên</i>	2.180.000.000	-	-	-
<i>Bà Trần Thị Thanh Hà</i>	2.190.000.000	-	-	-
- Cầm cố, thế chấp, ký cược	740.008.623	-	-	-
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	<u>9.578.604.624</u>	<u>-</u>	<u>10.894.806.359</u>	<u>-</u>

(i) Cho bà Nguyễn Thị Hòa vay số tiền 1.950.000.000 VND theo Hợp đồng cho vay tiền HĐCV-PT/2015: số 03 ngày 25/03/2015, thời hạn vay 12 tháng, cho vay bằng tiền mặt, lãi suất 11%/năm.

(i) Cho bà Nguyễn Thị Hòa vay số tiền 1.000.000.000 VND theo Hợp đồng cho vay tiền HĐCV-PT/2015: số 04 ngày 27/03/2015, thời hạn vay 12 tháng, cho vay bằng tiền mặt, lãi suất 11%/năm.

(i) Cho bà Nguyễn Thị Hòa vay số tiền 250.000.000 VND theo Hợp đồng cho vay tiền HĐCV-PVH- CN số 03/2016 ngày 02/08/2016, thời hạn vay 12 tháng, cho vay bằng tiền mặt, lãi suất 11%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Mẫu số B09-DN/HN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.5 . Phải thu khác và phải thu về cho vay (tiếp)

- (i) Cho bà Nguyễn Thị Hòa vay số tiền 800.000.000 VND theo Hợp đồng cho vay tiền HĐCV-PVH -CN số 08/2016 ngày 03/10/2016, thời hạn vay 12 tháng, cho vay bằng tiền mặt, lãi suất 11%/năm.
- (i) Cho bà Nguyễn Thị Hòa vay số tiền 1.100.000.000 VND theo Hợp đồng cho vay tiền HĐCV-PVH -CN số 09/2016 ngày 04/10/2016, thời hạn vay 12 tháng, cho vay bằng tiền mặt, lãi suất 11%/năm.
- (i) Cho ông Tạ Duy Khánh vay số tiền 1.000.000.000 VND theo Hợp đồng cho vay tiền HĐCV-PT/2015: số 06 ngày 20/07/2015, thời hạn vay 12 tháng, cho vay bằng tiền mặt, lãi suất 11%/năm.
- (i) Cho ông Tạ Duy Khánh vay số tiền 1.000.000.000 VND theo Hợp đồng cho vay tiền HĐCV-PT/2015: số 07 ngày 04/08/2015, thời hạn vay 12 tháng, cho vay bằng tiền mặt, lãi suất 11%/năm.
- (i) Cho ông Tạ Duy Lư vay số tiền 2.500.000.000 VND theo Hợp đồng cho vay tiền HĐCV-PT/2015: số 02 ngày 25/03/2015, thời hạn vay 12 tháng, cho vay bằng tiền mặt, lãi suất 11%/năm.
- (i) Cho ông Tạ Tương Nguyên vay số tiền 1.800.000.000 VND theo Hợp đồng cho vay tiền HĐCV-PT/2015: số 05 ngày 31/03/2015, thời hạn vay 12 tháng, cho vay bằng tiền mặt, lãi suất 11%/năm.
- (i) Cho bà Ngô Thị Xuyên vay số tiền 800.000.000 VND theo Hợp đồng cho vay tiền HĐCV-PVH -CN số 04/2016 ngày 04/08/2016, thời hạn vay 12 tháng, cho vay bằng tiền mặt, lãi suất 11%/năm.
- (i) Cho bà Ngô Thị Xuyên vay số tiền 900.000.000 VND theo Hợp đồng cho vay tiền HĐCV-PVH -CN số 11/2016 ngày 03/10/2016, thời hạn vay 12 tháng, cho vay bằng tiền mặt, lãi suất 11%/năm.
- (i) Cho bà Ngô Thị Xuyên vay số tiền 980.000.000 VND theo Hợp đồng cho vay tiền HĐCV-PVH -CN số 10/2016 ngày 01/10/2016, thời hạn vay 12 tháng, cho vay bằng tiền mặt, lãi suất 11%/năm.
- (i) Cho bà Trần Thị Thanh Hà vay số tiền 900.000.000 VND theo Hợp đồng cho vay tiền HĐCV-PVH -CN số 03/2016 ngày 06/07/2016, thời hạn vay 12 tháng, cho vay bằng tiền mặt, lãi suất 11%/năm.
- (i) Cho bà Trần Thị Thanh Hà vay số tiền 1.000.000.000 VND theo Hợp đồng cho vay tiền HĐCV-PVH -CN số 01/2016 ngày 02/04/2016, thời hạn vay 12 tháng, cho vay bằng tiền mặt, lãi suất 11%/năm.
- (i) Cho bà Trần Thị Thanh Hà vay số tiền 1.100.000.000 VND theo Hợp đồng cho vay tiền HĐCV-PVH -CN số 07/2016 ngày 01/10/2016, thời hạn vay 12 tháng, cho vay bằng tiền mặt, lãi suất 11%/năm.

5.6 Nợ xấu

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Dưới 1 năm				
Công ty TNHH Ecogarden Việt Nam	139.520.200	97.664.140	139.520.200	139.520.200
- Từ 1 đến 2 năm				
Cho Jung Taik	1.138.923.264	569.461.632	1.138.923.264	1.138.923.264
Công ty Cổ phần Hadovina Cộng	512.311.200	256.155.600	512.311.200	512.311.200
Cộng	1.790.754.664	923.281.372	1.790.754.664	1.790.754.664

5.7 . Hàng tồn kho

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên vật liệu	73.605.606.690	-	68.946.609.430	-
Công cụ, dụng cụ	761.512.360	-	330.933.670	-
Chi phí SXKD dở dang	250.071.631	-	112.074.987	-
Thành phẩm nhập kho	24.958.619.430	(44.756.000)	11.864.215.987	(44.756.000)
Hàng hóa	10.166.795.601	-	8.078.907.690	-
Cộng	109.742.605.712	(44.756.000)	89.332.741.764	(44.756.000)

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thu tại thời điểm cuối năm: 0 VND.
- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối năm: 0 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số B09-DN/HN

5.8 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
I. Nguyên giá						
Số dư đầu năm	12.995.512.997	64.669.901.491	1.216.178.182	1.701.795.000		80.583.387.670
Tăng trong năm	31.400.000	15.437.326.011	3.274.880.000			18.743.606.011
- <i>Mua trong năm</i>	31.400.000	15.437.326.011	3.274.880.000			18.743.606.011
Giảm trong năm		(152.100.000)				(152.100.000)
- <i>Thanh lý, nhượng bán</i>		(152.100.000)				(152.100.000)
- <i>Giảm khác</i>						
Số dư cuối năm	13.026.912.997	79.955.127.502	4.491.058.182	1.701.795.000		99.174.893.681
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	3.157.708.505	21.175.937.427	259.374.649	542.118.261		25.135.138.842
Tăng trong năm	1.286.416.601	6.781.522.137	229.987.035	387.757.008		8.685.682.781
- <i>Số khấu hao trong năm</i>	1.286.416.601	6.768.181.253	229.987.035	387.757.008		8.672.341.897
- <i>Tăng khác</i>		13.340.884				13.340.884
Giảm trong năm		(152.100.000)				(152.100.000)
- <i>Thanh lý, nhượng bán</i>		(152.100.000)				(152.100.000)
- <i>Giảm khác</i>						
Số dư cuối năm	4.444.125.106	27.805.359.564	489.361.684	929.875.269		33.668.721.623
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu năm	9.837.804.492	43.493.964.064	956.803.533	1.159.676.739		55.448.248.828
2. Tại ngày cuối năm	8.582.787.891	52.149.767.938	4.001.696.498	771.919.731		65.506.172.058

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn đang sử dụng là 0 VND.

Nguyên giá TSCĐ đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ phải trả là 23.461.506.011.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Mẫu số B09-DN/HN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.9 . Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền phát hành	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Bản quyền sáng chế	Tổng cộng
I. Nguyên giá				
Số dư đầu năm		475.200.000		475.200.000
Tăng trong năm		-		-
Giảm trong năm		-		-
Số dư cuối năm		475.200.000		475.200.000
II. Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm		93.017.880		93.017.880
Tăng trong năm		9.099.576		9.099.576
- Số khấu hao trong năm		9.099.576		9.099.576
Giảm trong năm		-		-
Số dư cuối năm		102.117.456	-	102.117.456
III. Giá trị còn lại				
1. Tại ngày đầu năm		382.182.120	-	382.182.120
2. Tại ngày cuối năm		373.082.544	-	373.082.544

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn đang sử dụng là 0VND.

Nguyên giá tài sản cố định đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ phải trả là 23.461.506.011 VND.

5.10 . Tài sản khác

	31/12/2016	01/01/2016
a) Ngắn hạn	454.501.051	154.151.557
- Chi phí mua bảo hiểm	55.534.388	-
- Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	398.966.663	139.244.241
- Chi phí khác		14.907.316
b) Dài hạn	10.049.843.111	772.409.476
- Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	968.914.575	772.409.476
- Chi phí thuê, sửa chữa văn phòng	9.080.928.536	
c) Lợi thế thương mại	4.125.000.000	4.625.000.000
Giá trị lợi thế thương mại từ việc mua công ty con	4.125.000.000	4.625.000.000
Cộng	14.629.344.162	5.551.561.033

5.11 . Tài sản dở dang dài hạn

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn				
b) Xây dựng cơ bản dở dang	-		5.123.630.200	-
- Xây dựng văn phòng	4.847.153.000		4.847.153.000	
- Sửa chữa TSCĐ	-		276.477.200	
Cộng	4.847.153.000	-	5.123.630.200	-

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số B09-DN/HN

5.12 Vay và nợ thuế tài chính

	31/12/2016			01/01/2016			Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
a) Vay ngắn hạn	100.013.607.815	100.013.607.815	189.121.816.881	152.929.194.381	63.820.985.315	63.820.985.315	
Vay ngân hàng VND	100.013.607.815	100.013.607.815	172.381.816.881	136.189.194.381	63.820.985.315	63.820.985.315	
NH TNHH Indovina - CN Mỹ Đình (1)	7.978.365.400	7.978.365.400	23.310.184.510	40.153.201.561	24.821.382.451	24.821.382.451	
NH TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Quang Minh (2)	19.220.765.211	19.220.765.211	30.305.431.808	16.083.855.807	4.999.189.210	4.999.189.210	
NH TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Tây (3)	34.344.842.821	34.344.842.821	73.829.133.609	69.491.166.083	30.006.875.295	30.006.875.295	
NH TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN Ngô Quyền (4)	333.400.000	333.400.000	2.000.000.000	1.666.600.000	-	-	
NH TNHH MTV Shinhan Việt Nam (5)	-	-	-	3.993.538.359	3.993.538.359	3.993.538.359	
NH NN và PTNN Việt Nam - CN Hà Tây (6)	15.497.632.221	15.497.632.221	15.497.632.221	-	-	-	
NH TMCP Quân đội (7)	2.722.099.628	2.722.099.628	7.522.932.199	4.800.832.571	-	-	
NH TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Tây (8)	19.916.502.534	19.916.502.534	19.916.502.534	-	-	-	
Vay các đối tượng khác	-	-	16.740.000.000	16.740.000.000	-	-	
b) Vay dài hạn	23.448.605.180	23.448.605.180	14.496.519.058	8.836.931.291	17.789.017.413	17.789.017.413	
NH TNHH Indovina - CN Mỹ Đình (9)	10.316.227.133	10.316.227.133	1.129.671.511	5.762.421.791	14.948.977.413	14.948.977.413	
NH TMCP Đầu tư và Phát triển - CN Hà Tây (10)	3.602.303.500	3.602.303.500	3.836.773.000	3.074.509.500	2.840.040.000	2.840.040.000	
NH TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Quang Minh (11)	2.230.074.547	2.230.074.547	2.230.074.547	-	-	-	
NH TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Tây (12)	7.300.000.000	7.300.000.000	7.300.000.000	-	-	-	
Cộng	123.462.212.995	123.462.212.995	203.618.335.939	161.766.125.672	81.610.002.728	81.610.002.728	

5.12 Vay và nợ thuê tài chính (tiếp)

- (1) Hợp đồng hạn mức tín dụng số 078/IVBMD-HĐHM/2016 ngày 27 tháng 04 năm 2016 ký với Ngân hàng TNHH Indovina - CN Mỹ Đình với hạn mức tín dụng tối đa 700.000 USD, thời hạn cấp hạn mức đến hết ngày 27/04/2016, mục đích vay bổ sung vốn lưu động, lãi suất được ấn định là 4,5%/ năm đối với USD và 10%/ năm đối với VND và lãi suất này sẽ được xem xét điều chỉnh hàng tháng căn cứ vào tình hình thị trường tiền tệ tại thời điểm điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng.
- (2) Hợp đồng tín dụng số 01/2016/6700554/HĐTD ngày 06 tháng 06 năm 2016 vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quang Minh, hạn mức tín dụng là 20 tỷ đồng, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất quy định trong từng khế ước, mục đích vay bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C.
- (3) Hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2016/178257/HĐTD ngày 01 tháng 02 năm 2016 ký với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Hà Tây với hạn mức tín dụng 40.000.000.000 đồng gồm cả VND và ngoại tệ quy đổi, thời hạn cấp hạn mức đến hết ngày 30/06/2017, mục đích vay vốn bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C, lãi suất được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể.
- (4) Hợp đồng tín dụng số 012216-030216-01-SME ngày 03 tháng 02 năm 2016 vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Ngô Quyền, hạn mức tín dụng 2 tỷ đồng, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày 04/02/2016, lãi suất quy định trong từng khế ước, mục đích vay bổ sung vốn lưu động.
- (5) Vay Ngân hàng TNHH Một thành viên Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Trần Duy Hưng theo hợp đồng vay số SHBVN/TDH/2013/071 ngày 01 tháng 07 năm 2013, thời hạn vay không quá 12 tháng đối với từng khế ước nhận nợ, hạn mức tín dụng là 4 tỷ đồng, lãi suất theo từng khế ước nhận nợ.
- (6) Hợp đồng tín dụng số 1480-LAV-201600.27.8 ngày 21 tháng 11 năm 2016 ký với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam với hạn mức 20 tỷ đồng, thời hạn vay 12 tháng, mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, khoản cho vay không có bảo đảm bằng tài sản.
- (7) Hợp đồng cấp tín dụng số 37453.16.057.2767312.TD ngày 15 tháng 6 năm 2016 ký với Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hoàn Kiếm với hạn mức tín dụng là 40.000.000.000 đồng bao gồm dư nợ, LC, bảo lãnh thanh toán, thời hạn cấp hạn mức tín dụng đến hết ngày 10 tháng 06 năm 2017, mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh, lãi suất quy định theo từng lần nhận nợ.
- (8) Hợp đồng số 55/CTD/KHDN/VCBHT-MPT ngày 18 tháng 07 năm 2016 vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây, hạn mức tín dụng là 20 tỷ đồng, thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực, lãi suất quy định trong từng khế ước, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động để thanh toán tiền mua nguyên vật liệu, hàng hóa và các chi phí khác phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản thế chấp là 01 bất động sản tại xóm Thống Nhất, xã La Phù, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội đứng tên hộ ông Tạ Duy Lư và 01 bất động sản tại xóm Trần Phú, xã La Phù, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội, đứng tên ông Tạ Văn Toàn và bà Nguyễn Thị Ngọc.
- (8) Hợp đồng tín dụng số 66/HM/16/KHDN/VCBHT-MPT ký ngày 04 tháng 08 năm 2016 giữa Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây và Công ty Cổ phần May Phú Thành, hạn mức tín dụng là 20 tỷ đồng, thời hạn cho vay 12 tháng, mục đích sử dụng là bổ sung vốn lưu động. Tài sản thế chấp là 01 bất động sản tại xóm Thống Nhất, xã La Phù, huyện Hoài Đức, Hà Nội đứng tên ông Tạ Duy Lư, 01 bất động sản tại xóm Trần Phú, xã La Phù, huyện Hoài Đức, Hà Nội đứng tên ông Tạ Văn Toàn và bà Nguyễn Thị Ngọc Lan, 01 bất động sản tại xóm Thống Nhất, xã La Phù, huyện Hoài Đức, Hà Nội đứng tên hộ ông Tạ Duy Khánh.
- (9) Vay ngân hàng TNHH Indovina Chi nhánh Mỹ Đình theo Hợp đồng tín dụng số 005/IVBMD-HĐTD/2013 ngày 02 tháng 01 tháng 2013, hạn mức tín dụng là 307.370 USD, thời hạn vay 5 năm, mục đích vay là để nhập khẩu máy móc, thiết bị.
- (9) Vay ngân hàng TNHH Indovina Chi nhánh Mỹ Đình theo Hợp đồng tín dụng số 018/IVBMD-HĐHM/2015 ngày 09 tháng 03 năm 2015, hạn mức tín dụng 554.342 USD, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất 4,75%/năm.

82
T
HÀ
AY
HÀ
T

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Mẫu số B09-DN/HN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.12 Vay và nợ thuê tài chính (tiếp)

(10) Vay ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây theo Hợp đồng tín dụng số 02/2013/HĐ ngày 27 tháng 12 năm 2013, hạn mức tín dụng là 210.000 USD, thời hạn vay 60 tháng, mục đích sử dụng để mua 30 máy dệt.

(10) Hợp đồng tín dụng số 02/2016/6700554/HĐTD tháng 5 năm 2016 vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây ; hạn mức tín dụng 3,7 tỷ đồng; thời hạn vay 60 tháng, lãi suất 11% đến hết 30/06/2016 và được điều chỉnh vào ngày đầu mỗi quý; mục đích vay thanh toán tiền mua 5 máy dệt quần sịp mới.

(11) Hợp đồng tín dụng số 01/2016/6700554/HĐTD ngày 06 tháng 06 năm 2016 vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quang Minh, hạn mức tín dụng 20 tỷ đồng, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên, lãi suất quy định trong từng kế ước, mục đích vay đầu tư 26 máy dệt quần Sịp, tài sản đảm bảo là 26 máy dệt quần Sịp.

(12) Hợp đồng tín dụng số 80/16/KHDN/VCBHT-MPT ký ngày 07 tháng 09 năm 2016 giữa ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây và Công ty Cổ phần May Phú Thành, hạn mức tín dụng là 20 tỷ đồng, thời hạn cho vay 84 tháng, mục đích sử dụng là thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ liên quan đến việc đầu tư thực hiện phương án đầu tư máy dệt kim và phương tiện vận chuyển phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản thế chấp là tài sản hình thành từ vốn vay.

5.13 . Phải trả người bán

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	14.478.514.714	14.478.514.714	18.491.299.821	18.491.299.821
Các khoản phải trả người bán chiếm từ 10% trở lên	371.744.300	371.744.300	1.871.744.300	1.871.744.300
Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu NHP	371.744.300	371.744.300	1.871.744.300	1.871.744.300
ZhuJi Fengjia Import and export Co., Ltd	-	-	3.764.709.004	3.764.709.004
Kawabe Corporation	531.766.743	531.766.743	1.977.514.939	1.977.514.939
Fenggijatex (HK) Co., Ltd	6.156.667.564	6.156.667.564	3.557.755.989	3.557.755.989
Các khoản phải trả người bán khác	14.106.770.414	14.106.770.414	16.619.555.521	16.619.555.521
Cộng	14.478.514.714	14.478.514.714	18.491.299.821	18.491.299.821
b) Các khoản phải trả người bán dài hạn				
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán				
Công ty Cổ phần Delex Việt Nam	469.200.000	469.200.000	-	-
Công ty TNHH Thịnh Phát	350.000.000	350.000.000	-	-
Công ty TNHH Vincom Mega Mall Times City	75.567.075	75.567.075	75.567.075	75.567.075
Cộng	819.200.000	819.200.000	75.567.075	-
d) Phải trả người bán là các bên liên quan				

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Mẫu số B09-DN/HN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.14 . Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

a) Phải nộp (Chi tiết cho từng loại thuế)	01/01/2016	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2016
- Thuế GTGT	1.264.358	3.475.438.751	3.476.703.109	-
- Thuế TNDN	4.210.925.598	1.892.157.289	2.858.009.335	3.245.073.552
- Các loại thuế khác		3.000.000	3.000.000	-
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	275.309.970	365.880.000	365.880.000	275.309.970
Cộng	4.487.499.926	5.736.476.040	6.703.592.444	3.520.383.522
b) Phải thu (Chi tiết cho từng loại thuế)				
- Thuế GTGT nộp thừa	9.985.274	-	-	9.985.274
Cộng	9.985.274	-	-	9.985.274

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

5.15 . Chi phí phải trả

	31/12/2016	01/01/2016
a) Ngắn hạn	200.000.000	130.000.000
<i>Chi phí kiểm toán</i>	<i>200.000.000</i>	<i>130.000.000</i>
b) Dài hạn		
Cộng	200.000.000	130.000.000

5.16 . Phải trả khác

	31/12/2016	01/01/2016
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	-	-
- Bảo hiểm xã hội	57.583.460	29.186.377
- Bảo hiểm y tế	26.743.466	4.441.500
- Bảo hiểm thất nghiệp	10.649.733	1.974.000
- Phải trả, phải nộp khác	71.593.200	-
Cộng	166.569.859	35.601.877
b) Dài hạn		

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số B09-DN/HN

5.17 . Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	96.000.000.000				30.109.031.366	2.749.719.927	128.858.751.293
Tăng vốn năm trước							-
Lãi trong năm trước						12.488.120.658	12.488.120.658
Tăng khác						61.899.680	61.899.680
Trích lập các quỹ							-
Giảm vốn trong năm trước							-
Giảm khác					19.897.747.235		19.897.747.235
Số dư cuối năm trước	96.000.000.000	-	-	-	10.211.284.131	15.299.740.265	121.511.024.396
Tăng vốn trong năm nay	59.520.000.000						59.520.000.000
Lãi trong năm nay						5.819.667.609	5.819.667.609
Tăng khác				1.162.555.858	240.042.300		1.402.598.158
Giảm vốn trong năm nay							-
Lỗ trong năm nay							-
Giảm khác						(13.374.535.359)	(13.374.535.359)
Số dư cuối năm	155.520.000.000	-	-	1.162.555.858	10.451.326.431	7.744.872.515	174.878.754.804

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Mẫu số B09-DN/HN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Tỷ lệ vốn góp</u>	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
Vốn góp của công ty mẹ			
Vốn góp của các đối tượng khác	100%	155.520.000.000	96.000.000.000
Cộng		155.520.000.000	96.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	96.000.000.000	96.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm (*)	59.520.000.000	-
- Vốn góp giảm trong năm		
- Vốn góp cuối năm	155.520.000.000	96.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	11.520.000.000	

(*) Trong năm Công ty tăng vốn lên 59.520.000.000 VND theo Nghị quyết số 01/2016/MPT/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 04 năm 2016 của Đại hội đồng Cổ đông và Giấy chứng nhận số 59/GCN-UBCK ngày 03/10/2016 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng.

d) Cổ phiếu

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.552.000	9.600.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15.552.000	9.600.000
- Cổ phiếu phổ thông	15.552.000	9.600.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.552.000	9.600.000
- Cổ phiếu phổ thông	15.552.000	9.600.000
- Cổ phiếu ưu đãi		

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần

đ) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế	6.059.709.909	12.652.273.102
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu		
Cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm	9.888.000	9.600.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	613	1.318

e) Các quỹ của doanh nghiệp

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
- Quỹ đầu tư phát triển	1.162.555.858	-
- Quỹ hỗ trợ, sắp xếp doanh nghiệp	-	-
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-

g) Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ được ghi nhận trực tiếp vào Vốn chủ sở hữu theo quy định của các chuẩn mực kế toán cụ thể.

5.18 . Các thông tin doanh nghiệp tự giải trình**6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****6.1 . Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
a) Doanh thu		
- Doanh thu bán, gia công quần áo, bit tất	33.918.488.663	60.830.220.556
- Doanh thu bán các loại sợi, vải	82.683.577.529	25.848.594.840
- Doanh thu bán hàng hóa khác	3.341.136.900	4.050.125.273
Cộng	119.943.203.092	90.728.940.669

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Mẫu số B09-DN/HN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

6.1 . Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (tiếp)		
b) Doanh thu với các bên liên quan		
Công ty TNHH May mặc và Thương mại Phú Vĩnh Hưng	9.754.643.650	946.500.000
Cộng	9.754.643.650	946.500.000
c) Doanh thu ghi nhận trước từ hoạt động cho thuê tài sản		
6.2 . Các khoản giảm trừ doanh thu		
	Năm 2016	Năm 2015
Hàng bán bị trả lại	87.274	199.400
Cộng	87.274	199.400
6.3 . Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp		
	Năm 2016	Năm 2015
- Giá vốn bán, gia công quần áo, bít tất	13.236.810.796	42.825.751.713
- Giá vốn bán các loại sợi	80.614.392.454	24.940.514.711
- Giá vốn bán hàng hóa khác	3.206.991.794	4.029.729.204
Cộng	97.058.195.044	71.795.995.628
6.4 . Doanh thu hoạt động tài chính		
	Năm 2016	Năm 2015
Lãi tiền gửi, cho vay	1.525.364.719	1.387.351.786
Lãi từ hoạt động bán chứng khoán	-	11.401.270.000
Lãi từ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	296.128.259	75.152.134
Lãi từ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	21.200	705.316
Cộng	1.821.514.178	12.864.479.236
6.5 . Chi phí tài chính		
	Năm 2016	Năm 2015
Lãi tiền vay	8.792.407.173	5.286.703.755
Chi phí hoạt động chứng khoán	-	77.402.540
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện thực hiện	393.828.996	
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	143.182.066	2.109.381.789
Cộng	9.329.418.235	7.473.488.084
6.6 . Thu nhập khác		
	Năm 2016	Năm 2015
- Các khoản thu nhập khác	680.297.012	5.092.000
Cộng	680.297.012	5.092.000
6.7 . Chi phí khác		
	Năm 2016	Năm 2015
- Các khoản lãi nộp chậm	734.342.479	382.136.279
- Các khoản chi phí khác	393.819.222	
Cộng	1.128.161.701	382.136.279
6.8 . Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp		
	Năm 2016	Năm 2015
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm:	5.248.623.315	5.988.371.060
- Chi tiết các khoản chiếm từ 10% trở lên trên tổng chi phí quản lý doanh nghiệp	3.188.965.225	3.739.131.692
+ Chi phí nhân công quản lý	2.062.165.000	2.172.220.000
+ Chi phí khấu hao, phân bổ CCDC	1.126.800.225	1.566.911.692
- Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	2.059.658.090	2.249.239.368
b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm	1.728.661.515	1.296.422.352
- Chi tiết các khoản chiếm từ 10% trở lên trên tổng chi phí bán hàng	1.178.612.000	1.052.705.016
+ Chi phí nhân công	847.940.000	403.145.000
+ Chi phí thuê cửa hàng Vincom và Time City	-	318.888.016
+ Chi phí khấu hao	330.672.000	330.672.000
- Chi phí bán hàng khác	550.049.515	243.717.336
Cộng	6.977.284.830	7.284.793.412

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Mẫu số B09-DN/HN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

6.9 . Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2016	Năm 2015
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7.951.867.198	16.661.899.102
- Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận kế toán trước thuế	-	705.316
- Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.508.919.555	1.564.378.938
Số lỗ được chuyển từ các năm trước		
Thu nhập chịu thuế	9.460.786.753	18.225.572.724
Thuế suất thuế TNDN	20%	22%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.892.157.351	4.009.625.999

6.10 . Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2016	Năm 2015
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	55.939.040.125	32.603.916.847
Chi phí nhân công	13.728.042.000	10.588.943.484
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.681.441.473	7.409.191.575
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.471.269.877	9.278.484.814
Chi phí bằng tiền khác	1.036.999.153	945.298.161
Cộng	90.856.792.628	60.825.834.881

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

7.1 Số tiền đi vay thực thu trong kỳ	Đơn vị tính: VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	203.485.611.502
7.2 Số tiền thực tế trả gốc vay trong kỳ	
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	161.766.125.672

8 NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

8.1 Công cụ tài chính

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Ban Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty. Ban Giám đốc có trách nhiệm thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, giám sát các rủi ro về việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

(i) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 03 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái

(ii) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có thể có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình, và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

101023-11/11

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Mẫu số B09-DN/HN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

8.1 Công cụ tài chính (tiếp)

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc kỳ tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

(iii) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác biệt nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc/Tổng Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 năm trở lên</u>	<u>Tổng cộng</u>
Ngày 31/12/2016			
Giá trị ghi sổ			
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.274.226.571		7.274.226.571
Phải thu khách hàng	38.121.585.976		38.121.585.976
Đầu tư	6.370.000.000	33.420.000.000	39.790.000.000
Phải thu khác	3.208.604.624	-	3.208.604.624
Tài sản tài chính khác	4.942.414.465	19.021.996.111	23.964.410.576
Trừ			
Dự phòng phải thu khó đòi	867.473.292		867.473.292
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-		-
Tổng cộng	60.784.304.928	52.441.996.111	113.226.301.039
Ngày 31/12/2016			
Các khoản vay và nợ	100.013.607.815	23.448.605.180	123.462.212.995
Phải trả người bán	14.478.514.714		14.478.514.714
Phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	366.569.859		366.569.859
Tổng cộng	114.492.122.529		114.492.122.529
Chênh lệch thanh khoản thuần	(53.707.817.601)	52.441.996.111	(1.265.821.490)
Ngày 01/01/2016			
Giá trị ghi sổ			
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.327.702.168		7.327.702.168
Phải thu khách hàng	29.776.495.364		29.776.495.364
Đầu tư	8.500.000.000	18.420.000.000	26.920.000.000
Phải thu khác	2.394.806.359	-	2.394.806.359
Tài sản tài chính khác	4.288.028.765	10.521.039.676	14.809.068.441
Trừ			
Dự phòng phải thu khó đòi	-		-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-		-
Tổng cộng	52.287.032.656	28.941.039.676	81.228.072.332

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Mẫu số B09-DN/HN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

8.1 Công cụ tài chính (tiếp)

Ngày 01/01/2016

Các khoản vay và nợ	63.820.985.315	17.789.017.413	81.610.002.728
Phải trả người bán	18.491.299.821		18.491.299.821
Phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	165.601.877		165.601.877
Tổng cộng	82.477.887.013	17.789.017.413	100.266.904.426
Chênh lệch thanh khoản thuần	(30.190.854.357)	11.152.022.263	-19.038.832.094

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

(iv) Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2016	01/01/2016	31/12/2016	01/01/2016
Tài sản tài chính				
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	39.790.000.000	26.920.000.000	39.790.000.000	26.920.000.000
Các khoản cho vay và phải thu <i>Phải thu khách hàng, phải thu khác</i>	41.330.190.600	32.171.301.723	40.462.717.308	32.171.301.723
<i>Tài sản tài chính khác</i>	23.964.410.576	14.809.068.441	23.964.410.576	14.809.068.441
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	7.274.226.571	7.327.702.168	7.274.226.571	7.327.702.168
Tổng cộng	112.358.827.747	81.228.072.332	111.491.354.455	81.228.072.332
Nợ phải trả tài chính				
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	123.462.212.995	81.610.002.728	123.462.212.995	81.610.002.728
Phải trả người bán	14.478.514.714	18.491.299.821	14.478.514.714	18.491.299.821
Phải trả khác	366.569.859	165.601.877	366.569.859	165.601.877
Tổng cộng	138.307.297.568	100.266.904.426	138.307.297.568	100.266.904.426

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31/12/2016 ngày ngày 01/01/2016. Tuy nhiên Ban Tổng giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ tài chính.

8.2 Báo cáo bộ phận

Công ty báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo các lĩnh vực hoạt động, bao gồm: bán và gia công quần áo, bán các loại sợi các loại và hạt nhựa. Chi tiết kết quả hoạt động kinh doanh theo từng ngành nghề như sau:

Đơn vị tính: VND

	Quần áo, bít tất	Sợi, vải các loại	Hàng hóa khác	Tổng cộng
Từ 01/01/2015 đến 31/12/2015				
Doanh thu	60.830.220.556	25.848.594.840	4.050.125.273	90.728.940.669
Các khoản giảm trừ	199.400	-	-	199.400
Giá vốn hàng bán	42.825.751.713	24.940.514.711	4.029.729.204	71.795.995.628
Lợi nhuận gộp	18.004.269.443	908.080.129	20.396.069	18.932.745.641

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Mẫu số B09-DN/HN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

8.2 Báo cáo bộ phận (tiếp)**Từ 01/01/2016 đến 31/12/2016**

Doanh thu	33.918.488.663	82.683.577.529	3.341.136.900	119.943.203.092
Các khoản giảm trừ	87.274	-	-	87.274
Giá vốn hàng bán	13.236.810.796	80.614.392.454	3.206.991.794	97.058.195.044
Lợi nhuận gộp	20.681.677.867	2.069.185.075	134.145.106	22.884.920.774

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Ngày 31/12/2016	Quần áo, bít tất	Sợi, vải các loại	Hàng hóa khác	Tổng cộng
Tài sản trực tiếp của bộ phận	51.404.364.301	125.309.142.846	5.063.581.107	181.777.088.254
Tài sản không phân bổ theo bộ phận				139.204.267.081
Tổng tài sản				320.981.355.335
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	5.138.866.222	12.527.086.566	506.203.438	18.172.156.226
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				127.930.444.305
Tổng nợ phải trả				146.102.600.531
Ngày 01/01/2016				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	83.358.614.319	34.693.166.731	3.721.466.880	121.773.247.930
Tài sản không phân bổ theo bộ phận				107.282.007.916
Tổng tài sản				229.055.255.846
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	1.909.747.215	794.821.016	85.258.867	2.789.827.098
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				104.754.404.353
Tổng nợ phải trả				107.544.231.451

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (báo cáo thứ yếu): Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng tạo ra doanh thu cho bộ phận. Trong năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2016 và kết thúc vào ngày 31/12/2016, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phát sinh chủ yếu tại Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh. Chi tiết kết quả kinh doanh theo từng khu vực như sau:

Doanh thu theo khu vực địa lý	Hà Nội	Thành phố Hồ Chí Minh	Khác	Tổng cộng
Năm 2015				
Doanh thu	65.124.002.076	19.946.265.716	5.658.672.877	90.728.940.669
Năm 2016				
Doanh thu	80.093.528.701	28.857.623.637	10.992.050.754	119.943.203.092

8.3 Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác**8.4 Các sự kiện quan trọng phát sinh trong niên độ****a) Tăng vốn chủ sở hữu trong năm**

Trong năm, Công ty có thực hiện phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và chào bán cổ phiếu ra công chúng:

Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần May Phú Thành

Mã chứng khoán: MPT

Loại cổ phần: Cổ phiếu phổ thông

Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành: 5.952.000 cổ phiếu (Trong đó: để trả cổ tức cổ phiếu: 1.152.000 cổ phiếu, để bán ra công chúng 4.800.000 cổ phiếu)

Tổng số vốn góp tăng trong năm là: 59.520.000.000 VND. Trong đó:

- Trị giá số vốn đã góp bằng tiền chuyển vào tài khoản ngân hàng của Công ty là 48.000.000.000 đồng

- Trị giá số vốn đã góp thông qua việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức là 11.520.000.000 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Mẫu số B09-DN/HN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

b) Đầu tư khác

Trong năm, công ty góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư NHP 3.000.000.000 VND tương đương với 300.000 cổ phần, mua lại phần vốn góp của ông Nguyễn Viết Tùng trong công ty Cổ phần Đầu tư NHP 12.000.000.000 VND tương đương 1.200.000 cổ phần. Đến ngày 31/12/2016, công ty Cổ phần May Phú Thành sở hữu phần vốn góp của Công ty Cổ phần Đầu tư NHP là 30.000.000.000 VND, tương đương với 3.000.000 cổ phiếu, tỷ lệ sở hữu là 15%.

8.5 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**8.6 Thông tin về các bên liên quan****Các bên liên quan:**

Trong năm tài chính và tại ngày kết thúc năm tài chính, bên sau đây được nhận biết là bên liên quan của Công ty:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Quan hệ</u>
Công ty TNHH May mặc và Thương mại Phú Vinh Hưng	Thành viên chủ chốt có mối liên hệ mật thiết trong gia đình
Công ty CP Đầu tư NHP	Công ty liên doanh, liên kết
Bà Tạ Thị Nga	Giám đốc công ty TNHH Dệt kim Phú Vinh Hưng

Nghiệp vụ với các bên liên quan:

Trong năm tài chính các nghiệp vụ của Công ty với các bên có liên quan như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Nghiệp vụ</u>	<u>Số tiền (VND)</u>
Ông Nguyễn Viết Tùng	Tạm ứng	200.000.000
Ông Nguyễn Viết Tùng	Hoàn ứng	18.050.390
Công ty Cổ phần Đầu tư NHP	Đầu tư góp vốn	15.000.000.000
	Bán hàng	10.730.108.065
	Thu tiền bán hàng	4.953.265.730
Công ty TNHH May mặc và Thương mại Phú Vinh Hưng	Mua hàng	4.595.191.700
	Trả tiền mua hàng	4.595.191.700
	Ứng trước tiền hàng	1.043.259.300
	Bán hàng	67.320.000
Bà Tạ Thị Nga	Thu tiền bán hàng	106.920.000
	Tạm ứng	160.000.000
	Hoàn ứng	12.940.192

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, hội đồng thành viên và Ban Tổng giám đốc

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lương thưởng của Ban Tổng giám đốc	243.682.500	332.440.000
Thù lao và thưởng của HĐQT	-	-
Cộng	243.682.500	332.440.000

8.7 Thông tin so sánh

Số liệu dùng để so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam.

8.8 Thông tin về hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính này được lập trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Mẫu số B09-DN/HN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

8.9 . Những thông tin khác

Ngoài những thông tin đã trình bày trên, trong kỳ Công ty không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra đòi hỏi phải trình bày hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Người lập biểu



Nông Kim Nhân

Kế toán trưởng



Nông Kim Nhân

Hà Nội, ngày 04 tháng 04 năm 2017



Nguyễn Viết Tùng